

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1176/QĐ-SYT ngày 28/7/2026 của Sở Y tế)
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số điều chỉnh giảm giao	Tổng số điều chỉnh giảm đã phân bổ	Văn phòng Sở Y tế	Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn	Trung tâm Y tế khu vực Bình Gia	Trung tâm Y tế khu vực Văn Quan	Trung tâm Y tế khu vực Văn Lãng	Trung tâm Y tế khu vực Chi Lãng	Trung tâm Y tế khu vực Đình Lập	Trung tâm Y tế khu vực Lộc Bình
1	2	3	4=5+...+12	5	6	7	8	9	10	11	12
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
I	Số thu phí, lệ phí										
1	Lệ phí										
	Lệ phí...										
	Lệ phí...										
2	Phí										
	Phí...										
	Phí...										
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại										
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình										
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ										
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ										
2	Chi quản lý hành chính										
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ										
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ										
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước										
1	Lệ phí										
	Lệ phí...										
	Lệ phí...										
2	Phí										
	Phí...										
	Phí...										
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.328,95	2.328,95	35,83000	79,19120	428,60065	1.023,00000	332,25710	114,39005	314,16100	1,52000
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.328,95	2.328,95	35,83000	79,19120	428,60065	1.023,00000	332,25710	114,39005	314,16100	1,52000
1	Chi quản lý hành chính	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00								
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00								

Số TT	Nội dung	Tổng số điều chỉnh giảm giao	Tổng số điều chỉnh giảm đã phân bổ	Văn phòng Sở Y tế	Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn	Trung tâm Y tế khu vực Bình Gia	Trung tâm Y tế khu vực Văn Quan	Trung tâm Y tế khu vực Văn Lãng	Trung tâm Y tế khu vực Chi Lãng	Trung tâm Y tế khu vực Đình Lập	Trung tâm Y tế khu vực Lộc Bình
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ.	0,00	0,00								
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0,00	0,00								
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00	0,00								
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	0,00	0,00								
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	0,00	0,00								
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00	0,00								
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00	0,00								
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.328,95	2.328,95	35,83000	79,19120	428,60065	1.023,00000	332,25710	114,39005	314,16100	1,52000
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00	0,00								
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.328,95	2.328,95	35,83000	79,19120	428,60065	1.023,00000	332,25710	114,39005	314,16100	1,52000
5	Chi bảo đảm xã hội	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00	0,00								
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00	0,00								
6	Chi hoạt động kinh tế	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00	0,00								
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00	0,00								
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00	0,00								
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00	0,00								
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00	0,00								
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00	0,00								
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00	0,00								
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00	0,00								
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,00	0,00								

[illegible]

Số TT	Nội dung	Tổng số điều chỉnh giảm giao	Tổng số điều chỉnh giảm đã phân bổ	Văn phòng Sở Y tế	Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn	Trung tâm Y tế khu vực Bình Gia	Trung tâm Y tế khu vực Văn Quan	Trung tâm Y tế khu vực Văn Lãng	Trung tâm Y tế khu vực Chi Lãng	Trung tâm Y tế khu vực Đình Lập	Trung tâm Y tế khu vực Lộc Bình
1.1	Dự án A	0,00	0,00								
1.2	Dự án B	0,00	0,00								
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.1	Dự án A	0,00	0,00								
2.2	Dự án B	0,00	0,00								
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3.1	Dự án A	0,00	0,00								
3.2	Dự án B	0,00	0,00								
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
4.1	Dự án A	0,00	0,00								
4.2	Dự án B	0,00	0,00								
5	Chi bảo đảm xã hội	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
5.1	Dự án A	0,00	0,00								
2.2	Dự án B	0,00	0,00								
6	Chi hoạt động kinh tế	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
6.1	Dự án A	0,00	0,00								
6.2	Dự án B	0,00	0,00								
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
7.1	Dự án A	0,00	0,00								
7.2	Dự án B	0,00	0,00								
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
8.1	Dự án A	0,00	0,00								
8.2	Dự án B	0,00	0,00								
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
9.1	Dự án A	0,00	0,00								
9.2	Dự án B	0,00	0,00								
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
10.1	Dự án A	0,00	0,00								
10.2	Dự án B	0,00	0,00								